

Số: 116./QĐ-KHCN

Tây Ninh, ngày 16 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước cấp tỉnh năm 2022 đã giao cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 – Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Biểu 01 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Kế toán trưởng Sở, trưởng các phòng và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Kim Quyên

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**

(Điều chỉnh giảm Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương)

(Kèm theo Quyết định số 116/QĐ-KHCN ngày 16/9/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	VPS	Trong đó	
					Chi cục TCDLCL	Trung tâm KH&CN
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-	-	-	-
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-683.132.980	-683.132.980	-471.128.537	-13.210.778	-198.793.665
I	Nguồn ngân sách trong nước	-683.132.980	-683.132.980	-471.128.537	-13.210.778	-198.793.665
1	Chi quản lý hành chính	-92.339.315	-92.339.315	-79.128.537	-13.210.778	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-92.255.510	-92.255.510	-79.044.732	-13.210.778	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-83.805	-83.805	-83.805	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-590.793.665	-590.793.665	-392.000.000	0	-198.793.665
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-590.793.665	-590.793.665	-392.000.000	0	-198.793.665
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	0	0			0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	0	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở (cấp tỉnh)	-590.793.665	-590.793.665	-392.000.000	0	-198.793.665
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-	-	-	-
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-
3	Chi đảm bảo xã hội	-	-	-	-	-
	- Kinh phí hỗ trợ Tết Nguyên đán Tân Sửu	-	-	-	-	-

